

Bản án số: 971/2019/HC-PT

Ngày: 01/11/2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán: 1. Bà Mai Thị Thanh Tú

2. Ông Đào Hồng Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 10 và 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 52/2019/TLPT-HC ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1125/2019/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4521/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 8614/2019/QĐPT-HC ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phạm Hồng M**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 117/128/27 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà **Đào Thị S**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 117/128/27 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền số công chứng 6936 quyền số 6, Văn phòng công chứng B chứng thực ngày 06/6/2014).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Ngô Đức Trí – Văn phòng Luật sư Ngô Đức Trí thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân quận B.

Địa chỉ: Số 6 Phan Đăng Lưu, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông **Hồ P** - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B

(Giấy ủy quyền số: 65/GUQ-UBND ngày 03/9/2019)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông **Phan Ngọc Anh H1**, sinh năm 1975 - Chức vụ: Trưởng ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận B.

- Ông **Phạm Ngọc P1**, sinh năm 1960 - Chức vụ: CH1ên viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Đào Thị S**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 117/128/27 Nguyễn Hữu Cánh, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông **Phạm Hồng M** – Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 05/02/2008, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gọi là Ủy ban Thành phố) ban hành Quyết định số 616/QĐ-UBND (gọi là Quyết định 616) về việc thu hồi đất để tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên tại Phường 19, 21, 22 và 25 quận B (Dự án Bến Thành - Suối Tiên).

Ngày 13/4/2009, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng quận B ban hành P án số 109/PA-UBND (P án 109) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng tuyến đường sắt đô thị thành phố Hồ Chí Minh, tuyến Bến Thành – Suối Tiên tại Phường 19, Phường H, quận B (Dự án Bến Thành – Suối Tiên). P án 109 đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B phê duyệt theo Quyết định số 2587/QĐ-UBND ngày 15/4/2009.

Ông Phạm Hồng M có một phần diện tích 37,8 m² đất nằm trong ranh Dự án Bến Thành – Suối Tiên theo Quyết định 616. Theo tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa số 94 tờ Bản đồ số 1 Phường H, quận B. Theo tài liệu đo năm 2002 thửa 9 tờ bản đồ số 29 Bản đồ địa chính chính quy Phường H quận B.

Ngày 04/4/2014, Ủy ban nhân dân quận B (Ủy ban B) ban hành Công văn số 582/UBND-BTGPMB (Công văn 582) về việc trả lời đơn đề nghị được bồi thường của bà Đào Thị S đại diện cho ông Minh. Theo Công văn 582 yêu cầu được bồi thường phần diện tích bị ảnh hưởng trong Dự án Bến Thành – Suối Tiên của bà S không có cơ sở giải quyết, vì vị trí khu đất của ông Minh đề nghị được bồi thường được xác định là rạch, đất công do Nhà nước quản lý; hành vi san lấp, lấn chiếm rạch Văn Thánh đã bị Ủy ban B xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức cưỡng chế, giao Ủy ban Phường H quản lý từ tháng 9/2002 đến nay. Không đồng ý với Công văn 582, ông Minh thực hiện việc khởi kiện tại Tòa.

** Theo Đơn khởi kiện ngày 29/4/2014; Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 05/11/2014; Đơn bổ sung xác định yêu cầu khởi kiện và các bản tự khai, người khởi kiện là ông Phạm Hồng M có bà Đào Thị S đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Theo Tờ sang nhượng đất ở ngày 15/10/1991 (Giấy tay, không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền) ông Minh nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Đường khu đất có diện tích 4m x 17m = 68m² tọa lạc tại Phường H, quận B. Cuối năm 1991, bà có làm nhà cấp 4 cho ông Minh với kết cấu tường gạch, cột bê tông, mái tôn, nền xi măng. Đến năm 2002, vì nhà bị ngập nước không ở được nên bà đã đập bỏ phần nhà để san lấp lại thì bị Ủy ban Phường H xử lý vi phạm hành chính, hiện trạng khu đất bị bỏ trống cho đến ngày bị thu hồi. Trong quá trình sử dụng ông Minh có đăng ký nhà - đất theo Tờ đăng ký mã số 7012929 ngày 19/11/1999, có xác nhận của Ủy ban Phường H. Ngày 20/4/2002, Ủy ban Phường H có lập Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất.

Thực hiện Dự án Bến Thành - Suối Tiên, Ủy ban B đã thu hồi phần diện tích đất nêu trên của ông Minh nhưng không lập thủ tục thu hồi đất và không ban hành quyết định bồi thường theo trình tự pháp luật nên bà đại diện ông Minh làm đơn gửi Ủy ban B đề nghị được bồi thường. Tại Công văn 582, Ủy ban B xác định vị trí khu đất bị thu hồi của ông Minh là rạch, đất công do Nhà nước quản lý nên không có cơ sở giải quyết bồi thường.

Ông Minh khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn 582, yêu cầu Ủy ban B thực hiện thủ tục thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường đối với phần đất mà ông Minh bị thu hồi theo đúng quy định pháp luật.

** Tại Bản tự khai ngày 28/11/2018, người bị kiện Ủy ban nhân dân quận B có ông Hồ P đại diện theo ủy quyền trình bày:*

- Về nguồn gốc pháp lý khu đất mà ông Minh yêu cầu bồi thường:

Thửa 94 tờ bản đồ số 1 Phường H, quận B có diện tích 64.840m², loại đất: rau tập trung (trong sổ bộ đã gạch bỏ thửa đất này).

Đối chiếu Bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch.

Đối chiếu Tài liệu 299/Ttg trên nền bản đồ địa chính Phường H lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch; Phần diện tích đất của ông Minh yêu cầu bồi thường thuộc thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29, Phường H, quận B có diện tích 37,8m².

Thửa đất số 94 tờ bản đồ số 1 Phường H theo Tài liệu 299/TTg là rạch Văn Thánh, đất công do nhà nước quản lý (theo Công văn số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố) nên khu đất này không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không được cấp phép xây dựng. Ủy ban B không lập hồ sơ bồi thường đối với trường hợp là đất trống hoặc là đất mặt nước có hiện trạng thuộc rạch Văn Thánh.

Vị trí khu đất của ông Minh đề nghị được bồi thường được xác định có nguồn gốc là rạch, đất công do Nhà nước quản lý, hiện trạng nằm trong rạch hiện hữu (rạch Văn Thánh). Căn cứ các quy định của Nhà nước về bồi thường, khi Nhà nước thu hồi đất thì Ủy ban B không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của ông Minh nên đã ban hành Công văn 582 trả lời gửi đến bà S. Việc ông Minh khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Công văn 582 và yêu cầu được bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi là không có cơ sở. Công văn 582 Ủy ban B ban hành đúng quy định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị S có lời trình bày:*

Bà có 2 người con tên Phạm Hồng M sinh 1981 và Phạm Hồng Khanh sinh 1993. Khu đất theo Tờ sang nhượng đất ở ngày 15/10/1991 là do bà mua cho ông Minh nên ông Minh đứng tên là người mua và người bán là ông Nguyễn Văn Đường. Sau khi mua đất bà là người xây dựng nhà cấp 4 không giấy phép và 3 mẹ con bà cùng sinh sống tại nhà – đất này.

Liên quan đến nhà – đất này bà là người trực tiếp đứng ra liên hệ và giao

dịch dân sự. Vì vậy, khi phần đất của ông Minh bị thu hồi mà không được giải quyết bà đã thay mặt ông Minh gửi đơn khiếu nại và Ủy ban B ban hành Công văn 582 trả lời gửi cho bà. Bà xác nhận phần đất ông Minh bị ảnh hưởng trong Dự án Bến Thành – Suối Tiên mà ông Minh đứng tên khởi kiện trong vụ án này là của ông Minh. Với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà cũng có đề nghị giống ông Minh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1125/2019/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân quận B đã quyết định như sau:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; Khoản 1, Điểm a Khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; Điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Luật Đất đai 2003;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng M về việc: yêu cầu hủy Công văn số 582/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 Ủy ban nhân dân quận B trả lời đơn đề nghị được bồi thường của bà Đào Thị S liên quan Dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành – Suối Tiên, quận B; Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất, ban hành Quyết định bồi thường đối với phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29 thuộc bộ Bản đồ địa chính chính quy Phường H quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí Hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Hồng M phải nộp án phí số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào biên lai thu số AB/2012/02741 ngày 16/5/2014 của Chi Cục thi hành án dân sự quận B Thành phố Hồ Chí Minh, ông Minh đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Tại Đơn kháng cáo ngày 16 tháng 7 năm 2019, ông Phạm Hồng M kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Minh, hủy Công văn 582; Ủy ban B phải tiến hành lập thủ tục thu hồi đất, lập thủ tục bồi thường cho phần

đất đã bị thu hồi tại thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29, Phường H, quận B theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Với tư cách đại diện cho người khởi kiện là ông Phạm Hồng M và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị S trình bày: Khu đất của ông Minh trước đây ông Đường dùng để trồng rau, sau đó, ông Đường san lấp thành lô nền bán và bà đã mua cho các con. Bà xác định phần đất của ông Minh bị thu hồi là phần đất nằm phía sau với diện tích 37,8m², tại thời điểm bà mua thì phần đất này cách rạch rau muống là 200m. Đến nay ông Minh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Minh phát biểu: Ông Minh kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, hủy bỏ Công văn 582, buộc Ủy ban B có trách nhiệm lập hồ sơ bồi thường cho ông Minh đối với phần đất phần diện tích 37,8m² tại thửa số 9 tờ bản đồ số 29 tọa lạc tại Phường H, quận B theo quy định của pháp luật, với lý do:

Phần đất nêu trên có nguồn gốc do ông Đường khai phá sử dụng từ năm 1965, theo Tài liệu 299/TTg thì ông Đường là người đăng ký từ năm 1983 với diện tích 1500m² thuộc thửa 94 và mục đích sử dụng trồng rau, cho đến nay thửa này chưa bị xóa như Ủy ban B trình bày, tại Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất do Ủy ban Phường H lập ngày 20/4/2002 xác định phần đất thuộc thửa 9 có diện tích 78,8m² do ông Minh sử dụng là đất thổ cư. Tại trích lục bản đồ địa chính số 130/VPĐK-KT ngày 22/8/2012 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cũng xác định hai phần đất trên là đất “T”.

Bản vẽ mà Ủy ban B làm căn cứ để xác định hai phần đất trên là đất rạch không có giá trị vì bản vẽ này không được ban hành kèm theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Văn bản số 6796/UBND-ĐTMT ngày 18/12/2013 của Ủy ban Thành phố không phải là văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban B căn cứ văn bản này để xác định phần đất thuộc thửa 94 là rạch là không có cơ sở.

Ông Minh sử dụng phần đất này từ khi mua cho đến năm 2002 bị xử phạt hành chính. Từ năm 2002 mặc dù ông Minh không sử dụng, nhưng ông Minh có quản lý phần đất và cho đến nay Ủy ban Phường H vẫn chưa thực sự quản lý.

- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B có người đại diện hợp pháp là ông Hồ P xin vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban B:

+ Ông Phạm Ngọc Anh H1 vắng mặt;

+ Ông Phạm Ngọc P1 trình bày: Phần đất bị thu hồi của ông Minh có nguồn gốc là đất rạch. Tuy vào năm 1983 ông Đường đăng ký theo tài liệu 299/TTg là đất thuộc thửa 94 là đất rau, nhưng sau đó Ủy ban đã kiểm tra lại và xác định phần đất nêu trên là đất thuộc rạch Văn Thánh. Theo quy định của pháp luật thì đất rạch do Ủy ban địa P quản lý. Vì vậy, năm 2002 khi ông Minh và bà S có hành vi san lấp rạch đối với khu đất, Phòng Quản lý đô thị quận B đã lập biên bản vi phạm hành chính và Ủy ban B đã ra quyết định xử phạt bà S. Tính từ năm 2002, ông Minh không còn sử dụng khu đất vì Ủy ban Phường H đã quản lý theo chế độ quản lý đất rạch. Từ cơ sở này Ủy ban B không lập hồ sơ bồi thường cho ông Minh. Công văn 582 Ủy ban B ban hành là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, thụ lý, thẩm quyền, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự trong vụ án cũng đã chấp hành đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình.

+ Về kháng cáo của người khởi kiện: Về nguồn gốc thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29 diện tích 37,8m² tọa lạc tại Phường H, quận B: Theo bản đồ tài liệu 299/TTg thì phần đất này thuộc thửa 94 và nằm hoàn toàn trên rạch. Năm 2002, ông Minh đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi san lấp rạch, ông Minh đã chấp hành quyết định xử phạt và từ năm 2002 đến nay ông Minh không trực tiếp sử dụng, yêu cầu kháng cáo của ông Minh không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Minh và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Ủy ban nhân dân quận B có ông Hồ P - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B là người đại diện hợp pháp; người

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B là ông Phạm Ngọc Anh H1 vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Phạm Ngọc Anh H1.

[2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- Công văn số 582/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 là văn bản giải quyết đơn đề nghị được bồi thường của ông Phạm Hồng M tại Dự án Bến Thành – Suối Tiên, quận B. Ngày 29/4/2014, ông Minh nộp đơn khởi kiện đối với Công văn 582. Tòa án nhân dân Quận B xác định Công văn 582 là quyết định hành chính bị kiện, đơn khởi kiện của ông Minh còn thời hiệu, tiến hành thụ lý vụ án trước ngày 01/7/2016 và tiếp tục giải quyết vụ án sau ngày 01/7/2016 là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 3, Điều 28, Điều 29, điểm a Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010; Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3] Về yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Căn cứ Sổ quản lý ruộng đất lập ngày 18/12/1984 của Ủy ban Phường H được Ủy ban B duyệt ngày 19/12/1984 thì ông Nguyễn Văn Đường (người bán đất cho ông Minh) có đăng ký phần đất rau diện tích 1.500m²/64.840m² tại thửa 94 (theo Tài liệu 299/TTg). Đối chiếu Bản đồ địa hình chụp năm 1982, điều ảnh năm 1988 thì phần lớn thửa 94 là rạch và rau trên rạch. Theo Tài liệu 299/Ttg trên nền bản đồ địa chính Phường H lập năm 2002 thì phần lớn thửa 94 là rạch;

[3.2] Phần diện tích đất của ông Minh yêu cầu được bồi thường do bị thu hồi để thực hiện Dự án Bến Thành - Suối Tiên thuộc thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29, Phường H, quận B có diện tích 37,8m². Căn cứ Bản đồ vị trí TL 1/2000 theo Tài liệu 299/TTg và theo Bản đồ vị trí chập ranh sử dụng đất lên nền Tài liệu 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thuộc Dự án Bến Thành - Suối Tiên tại Phường H, quận B do Công ty Cổ phần Đo đạc Xây dựng Thương mại Dịch vụ Đại Việt An lập ngày 05/9/2017 thì phần đất thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 29, có diện tích 37,8m² trước đây thuộc thửa 94, tờ bản đồ số 1, Phường H, quận B, nằm hoàn toàn trên rạch. Đại diện của ông Minh cho rằng ông Đường đăng ký kê khai sử dụng đất theo Tài liệu 299/TTg vào năm 1983 để chứng minh trước khi bán cho ông Minh ông Đường đã có quá trình sử dụng trước năm 1980,

nhưng theo các tài liệu vừa viện dẫn thì phần đất bị thu hồi có nguồn gốc là đất rạch và nằm hoàn toàn trên rạch.

[3.3] Theo Biên bản về hành vi vi phạm hành chính do Phòng Quản lý đô thị quận B đã lập ngày 26/4/2002 đối với ông Đường và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1371/QĐ-UB ngày 07/5/2002, bà S đã có hành vi vi phạm quy định về xây dựng tại hồ thoát nước đô thị thuộc rạch Văn Thánh, cụ thể “1. Phạt tiền: 4.000.000 đồng đối với hành vi san lấp hồ thoát nước đô thị” và “2. Buộc khôi phục nguyên trạng phần hồ bị san lấp...” đối với phần đất thuộc thửa số 9, tờ bản đồ số 29. Tại phiên tòa Bà S xác nhận đã thi hành xong quyết định này khi có Quyết định cưỡng chế số 3726/QĐ-UB ngày 03/9/2002.

[3.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của ông Minh và Luật sư cho rằng ông Minh vẫn quản lý phần đất cho đến ngày bị thu hồi và có đóng thuế đất hàng năm, trong các Biên lai của cơ quan thể hiện khu đất của ông Minh là đất ở tại đô thị. Như đã nêu trên phần đất bị thu hồi đến thời điểm thực hiện dự án vẫn là để trống, ông Minh không có trực tiếp sử dụng từ sau khi bị xử phạt. Ủy ban B cũng cho biết Ủy ban Phường H đã quản lý phần đất này theo chế độ đất rạch và không có ai sử dụng. Đối với các Biên lai thu của Chi cục thuế quận B, nội dung trong các Biên lai chỉ xác định diện tích để tính thuế, cơ sở để xác định đất ở đô thị phải căn cứ vào Giấy chứng nhận của các cơ quan có thẩm quyền

[3.5] Từ cơ sở trên xác định phần đất bị thu hồi của ông Minh nằm hoàn toàn trên rạch Văn Thánh và Ủy ban Phường H đã quản lý theo chế độ đất rạch, việc Ủy ban B ban hành Công văn 582 không bồi thường cho ông Minh đối với phần đất thuộc thửa 9 tờ bản đồ số 29 là đúng quy định tại khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003.

[3.6] Lời trình bày của đại diện ông Minh và lời phát biểu Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Minh cho rằng: theo Biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất do Ủy ban Phường H lập ngày 20/4/2002 đã xác định phần đất trên không phải đất rạch được ông Minh sử dụng hợp pháp, Bản đồ vị trí chập ranh sử dụng đất do Ủy ban B cung cấp không có giá trị vì không được ban hành kèm theo Văn bản của các cơ quan có thẩm quyền. Lời trình bày và lời phát biểu này không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.7] Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Minh vì không có cơ sở để chấp nhận.

[3.8] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Minh và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3.9] Kháng cáo của ông Minh yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Minh: Hủy Công văn 582; Buộc Ủy ban B thực hiện thủ tục thu hồi đất, ban hành Quyết định bồi thường đối với phần diện tích đất bị thu hồi 37,8m² thuộc thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29, Phường H, quận B là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Minh và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Minh không được chấp nhận. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Minh phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241, Điều 238, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về thi hành Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Khoản 6 Điều 38, Điều 42, Điều 43 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí;

I. Bác kháng cáo của ông Phạm Hồng M và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 1125/2019/HC-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận B.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Khoản 1 Điều 31; Khoản 1, điểm a Khoản 2 Điều 116; Khoản 1 Điều 158; điểm a Khoản 2 Điều 193; Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Luật Đất Đai 2003;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng M về việc: Yêu cầu hủy Công văn số 582/UBND-BTGPMB ngày 04/04/2014 Ủy ban nhân dân quận B trả lời đơn đề nghị được bồi thường của bà Đào Thị S liên quan dự án Xây dựng tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên, quận B; Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B thực hiện thủ tục thu hồi đất, ban hành Quyết định bồi thường đối

với phần đất bị thu hồi tại thửa đất số 9 tờ bản đồ số 29 thuộc bộ Bản đồ địa chính chính quy Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Hồng M phải nộp án phí số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào biên lai thu số AB/2012/02741 ngày 16/5/2014 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Minh đã nộp đủ án phí.

II. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Phạm Hồng M phải nộp 300.000(Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được miễn trừ tiền tạm ứng theo các Biên lai thu số AA/2018/0021357 ngày 23/7/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận B.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận B;
- Chi Cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng